

Số: /BC-SKHCN

Vinh Long, ngày tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tình hình triển khai nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW¹

a) Thực hiện Kế hoạch, Chương trình hành động Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP² và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương

- *Về công tác chỉ đạo, triển khai:* Trên cơ sở Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW³ và các văn bản của Trung ương về chuyển đổi số, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Vĩnh Long đã ban hành các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số để cụ thể hóa các văn bản do Trung ương ban hành và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số tại địa phương.

- *Về nhận thức số:* Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng, mục tiêu đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Tỉnh ủy và Đài Truyền hình VTV đã phối hợp tổ chức thành công Diễn đàn Mekong về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lần thứ I với chủ đề: “Truyền hình và công nghiệp văn hóa” với 300 đại biểu tham dự. Đồng thời, các cấp ủy đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm đến công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong đời sống, sản xuất, thương mại và thực thi công vụ, được triển khai thường xuyên thông qua Cổng thông tin điện tử, các phương tiện thông tin đại chúng, fanpage, các nhóm zalo để người dân biết và tích cực hưởng ứng các hoạt

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

² Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

³ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

động chuyển đổi số của địa phương⁴. Bên cạnh, Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long⁵ tăng cường thông tin chung về tình hình phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, về các hoạt động thương mại điện tử (TMĐT) tại Vĩnh Long; Tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ phát triển TMĐT, các sàn TMĐT tiêu biểu đang hoạt động tại địa phương; Hướng dẫn người dân và doanh nghiệp cách đăng ký gian hàng, quản lý đơn hàng, thanh toán trực tuyến an toàn; Quảng bá các chương trình khuyến mại, kích cầu tiêu dùng trên sàn TMĐT. Báo in và Báo điện tử tăng cường đăng tải tin, bài viết về các chủ đề nổi bật như “Sớm đưa Nghị quyết 57 vào cuộc sống tạo động lực tăng trưởng kinh tế”, “Nghị quyết 57 – Đột phá vì khát vọng phát triển”, phong trào “Bình dân học vụ số”. Lực lượng Công an các cấp đã phối hợp với các ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức tuyên truyền qua các tin thời sự, tin bài, cổng thông tin điện tử về Đề án 06, về Luật Căn cước, Luật dữ liệu⁶.

- *Về khoa học, công nghệ*: Đã hoàn thành tổng hợp rà soát 156 nhiệm vụ, trong đó nhiệm vụ do Trung ương quản lý trực tiếp là 09 (Bến Tre 03, Trà Vinh 06), 11 nhiệm vụ cấp cơ sở (Vĩnh Long 04, Trà Vinh 07), 136 nhiệm vụ cấp tỉnh (Trà Vinh 97 (có 02 nhiệm vụ mới phê duyệt danh mục bổ sung năm 2025), Bến Tre 28, Vĩnh Long 11). Tổ chức đánh giá nghiệm thu 33 nhiệm vụ cấp tỉnh với kết quả xếp loại đạt; công nhận và giao trách nhiệm ứng dụng 28 nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc nhiều lĩnh vực cho các ngành; ký hợp đồng triển khai 01 nhiệm vụ, tổ chức họp đánh giá nghiệm thu 05 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở với kết quả xếp loại đạt.

- *Về đổi mới sáng tạo*: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia ; Kế hoạch triển khai thực hiện: Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch của Chính phủ

⁴ Trang Zalo Official Chính quyền số Vĩnh Long đăng tải 341 tin, bài; Trang Fanpage Chuyển đổi số Vĩnh Long trên Facebook đăng tải 351 tin, bài; Trang thông tin điện tử của Sở 406 tin bài, Trang Chuyển đổi số của tỉnh 357 tin bài.

⁵ Phát thanh mở 2 chuyên đề “Chuyển đổi số”; Chương trình thời sự trên sóng truyền hình có 250 tin, 45 bài tuyên truyền về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ; Đài xây dựng chương trình Chuyển đổi số, thời lượng 15 phút, phát sóng lúc 19h45 phút, mỗi tháng phát 02 kỳ vào thứ Hai tuần thứ 2 và tuần thứ 4 hàng tháng; Trang thông tin điện tử của đăng tải lại các chương trình, tin, bài có nội dung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Khoa học của thế giới: <https://thvl.vn/the-gioi/khoa-hoc-the-gioi>; Chuyển đổi số: <https://thvl.vn/tong-hop/chuyen-de-thvl/chuyen-doi-so>; Chuyển đổi số trên THVL: <https://www.thvl.vn/detail/chuyen-doi-so>); Báo in và Báo điện tử: đăng 140 tin bài, 80 ảnh với các chủ đề nổi bật: “Sớm đưa Nghị quyết 57 vào cuộc sống tạo động lực tăng trưởng kinh tế”, “Nghị quyết 57 – Đột phá vì khát vọng phát triển”, phong trào “Bình dân học vụ số”.

⁶ tổ chức tuyên truyền 2.251 cuộc qua các tin thời sự, tin bài, cổng thông tin điện tử; phát 69.822 tờ rơi tuyên truyền Đề án 06, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID; trên loa phát thanh xã, phường, thị trấn 11.152 lượt; phát hình hơn 900 giờ tuyên truyền Đề án 06 trên các màn hình Led; tuyên truyền thông qua các cuộc họp dân ở ấp, khóm, khu dân cư và các trang mạng xã hội Zalo, Facebook,... với tổng số 192.951 lượt (cấp huyện cũ: 25.201 lượt; cấp xã: 77.186 lượt; ở ấp/khóm/khu: 90.564 lượt). Đồng thời, tổ chức tuyên truyền về Luật Căn cước; Luật dữ liệu; tiện ích tài khoản định danh điện tử trên trang thông tin điện tử Công an tỉnh Vĩnh Long, trang Zalo Công an tỉnh Vĩnh Long; Fanpage: tuổi trẻ Công an Vĩnh Long, tại Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH tổ chức 1.154 cuộc khoảng 539.365 lượt người dự, 13.848 lượt chia sẻ; trên loa phát thanh 11.152 lượt.

triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Tổ chức Hội thảo Khoa học, chuyên đề “Thúc đẩy chuyển đổi số: Kết nối Khoa học - Công nghệ và Đổi mới sáng tạo” năm 2025; Tổ chức chuỗi sự kiện nhân Ngày Sáng tạo và Đổi mới sáng tạo thế giới 21/4; Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4 và Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5.

- *Về sở hữu trí tuệ*: Hướng dẫn 101 tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký và gia hạn sở hữu công nghiệp gồm 02 sáng chế, 01 kiểu dáng công nghiệp, 98 nhãn hiệu. Sau hợp nhất, Vĩnh Long có 4.122 văn bằng đã được cấp (gồm: 3.889 nhãn hiệu, 46 sáng chế và giải pháp hữu ích, 280 kiểu dáng công nghiệp); Rà soát 38 nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ (gồm: 14 chỉ dẫn địa lý⁷; 24 nhãn hiệu chứng nhận⁸), trong đó: 08 nhiệm vụ (*Tôm Trà Vinh, Thanh long, Cua biển, Bưởi da xanh, Xoài cát chu, Yến sào Trà Vinh, Lát, nghêu*) đã nghiệm thu được Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ xếp loại Khá.

- Về hạ tầng số, dữ liệu số:

+ Hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh; 100% xã, phường có hạ tầng cáp quang băng rộng và 100% ấp, khóm được phủ sóng di động 3G, 4G; đưa vào hoạt động 366 trạm BTS 5G; tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 96 thuê bao/100 dân; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng thông rộng đạt 81%.

+ Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh kết nối 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh đến cấp xã; 100% sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã có xây dựng hệ thống mạng LAN; hệ thống hợp trực tuyến được triển khai đồng bộ đến 124 UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh; triển khai hệ thống tường lửa bảo đảm an

⁷ Xây dựng, quản lý và Phát triển Chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” dùng cho sản phẩm chôm chôm, Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” dùng cho sản phẩm xoài tứ quý và nhãn hiệu chứng nhận cho biểu trưng của chỉ dẫn địa lý xoài tứ quý tỉnh Bến Tre”; Tạo lập quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận mang chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” dùng cho sản phẩm Dừa xiêm xanh, Bưởi da xanh và Sầu riêng của tỉnh Bến Tre tại thị trường nước ngoài; Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” cho sản phẩm Gạo; Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” cho sản phẩm Nghêu; Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” cho sản phẩm Bò; Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Bến Tre” cho sản phẩm Gà; “Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Bến tre” cho sản phẩm Dừa của tỉnh Bến Tre”; Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “BẾN TRE” cho các sản phẩm từ con tôm sú và tôm thẻ của tỉnh Bến Tre; “Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Trà Vinh” cho dừa sáp tỉnh Trà Vinh”); “Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Cầu Kè” cho sản phẩm măng cụt của huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và xây dựng chuỗi giá trị cho sản phẩm măng cụt”; “Tạo lập, quản lý, phát triển chỉ dẫn địa lý “Trà Vinh” cho sản phẩm đậu phộng của tỉnh Trà Vinh”; “Tạo lập, quản lý và quảng bá chỉ dẫn địa lý “Trà Vinh” cho sản phẩm Cua biển của tỉnh Trà Vinh”; “Tạo lập, quản lý và quảng bá chỉ dẫn địa lý “Trà Vinh” cho sản phẩm Cua biển của tỉnh Trà Vinh” (Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 – 2030).

⁸ Tôm Trà Vinh, Thanh long, Cua biển, Bưởi da xanh, Lúa hữu cơ, Tôm hữu cơ, Xoài cát chu, Hành tím Duyên Hải - Trà Vinh, Yến sào Trà Vinh, Lát, nghêu và các sản phẩm tham gia OCOP từ phong trào Phụ nữ khởi nghiệp của tỉnh, lúa gạo và các sản phẩm chế biến từ lúa gạo, bánh tét Trà Cuôn, TRAVICOP” cho các sản phẩm OCOP, cam sành, dừa của tỉnh Trà Vinh, Rươi, thủ công mỹ nghệ, Bí đỏ, Dưa lưới, heo thương phẩm, thịt heo và các sản phẩm chế biến từ thịt heo, mía và các sản phẩm chế biến từ mía và dừa của tỉnh Trà Vinh ra thị trường nước ngoài.

toàn, an ninh thông tin cho UBND các xã, phường⁹. Duy trì, cập nhật, kết nối, chia sẻ 22/24 (91,67%) dịch vụ dữ liệu (hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu quốc gia) giữa Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) với Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); có 15 cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đang vận hành được kết nối chia sẻ qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

+ Hạ tầng công nghệ thông tin thiết yếu phục vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng các yêu cầu theo hướng dẫn tại Công văn số 1552/BTTTT-THH¹⁰ ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ). Ngoài ra, để đảm bảo trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND tỉnh đã phê duyệt¹¹ nhiệm vụ dự toán và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cấp bổ sung kinh phí năm 2025 để địa phương mua sắm tài sản, trang thiết bị, hệ thống hạ tầng mạng. Đồng thời, UBND tỉnh cũng đã có văn bản chỉ đạo¹² về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã, phường thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị, hệ thống hạ tầng mạng phục vụ hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công và phục vụ giải quyết TTHC tại UBND các xã, phường với tổng số tiền 47.491.794.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu, bảy trăm chín mươi bốn ngàn đồng)

- Về nhân lực số:

+ Thành lập Tổ công tác phối hợp triển khai hệ thống thông tin giải quyết TTHC và Hệ thống quản lý văn bản và điều hành cho tỉnh Vĩnh Long (mới) sau sáp nhập. Thành lập nhóm chung của 124 xã, phường của tỉnh Vĩnh Long gồm: Bí thư, Chủ tịch, lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; thành lập nhóm riêng cho sở, ban, ngành, 124 xã, phường để hỗ trợ trong quá trình sử dụng hệ thống.

+ Về công tác bố trí cán bộ, công chức: 100% cơ quan, đơn vị đã có phân công phụ trách quản trị mạng. Toàn tỉnh có 124/124 tổ công nghệ số cộng đồng với 6.122 thành viên; Doanh nghiệp viễn thông bố trí 446 nhân sự trực tiếp hỗ trợ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công¹³; 51 cán bộ Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ điều phối chung. Đồng thời, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành kế hoạch phân công lãnh đạo Sở phụ trách hỗ trợ các xã/phường, chuyển 06 công chức, viên chức về công tác tại UBND xã¹⁴. Kết quả hỗ trợ xã, phường theo Kế hoạch số 23/KH-SKHCN ngày 19/8/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ: Tổng

⁹ Hệ thống tường lửa: đảm bảo 100% đối với UBND xã, phường khu vực tỉnh Vĩnh Long cũ, Trà Vinh cũ (Sở Khoa học và Công nghệ đang rà soát, tham mưu UBND tỉnh phương án điều chuyển thiết bị tường lửa dồi dư do sáp nhập, hợp nhất để bố trí cho UBND xã, phường của tỉnh Bến Tre cũ).

¹⁰ Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0)

¹¹ Công văn số 3519a/UBND-KGVX ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh về đăng ký kinh phí, nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thực hiện theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

¹² Công văn số 4330/UBND-TH ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã, phường.

¹³ Viễn thông Vĩnh Long bố trí 248 nhân sự, Viettel Vĩnh Long 198 nhân sự bố trí trực tiếp hỗ trợ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công

¹⁴ Kế hoạch số 23/KH-SKHCN ngày 19/8/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc Hỗ trợ, hướng dẫn về nghiệp vụ, chuyên môn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cho các địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

số xã, phường đã được hỗ trợ là 86¹⁵, đạt 69,35%. Qua kết quả hỗ trợ các xã đã góp phần nâng tổng số xã đạt 16/16 tiêu chí theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW là 63/124 xã, phường; đã hỗ trợ 124 xã, phường sử dụng thành thạo hệ thống quản lý văn bản điều hành và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

+ Trong 9 tháng đầu năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức 108 lớp tập huấn với tổng cộng 103.086 lượt học viên tham gia. Cụ thể: 100 lớp tập huấn chuyển đổi số với hơn 15.162 cán bộ công chức viên chức, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; 02 lớp tập huấn trực tuyến với hơn 800 công chức, viên chức tham gia về quản lý dữ liệu điện tử và chứng thực bản sao điện tử; 06 khóa đào tạo tập huấn trực tuyến trên nền tảng “Bình dân học vụ số” với hơn 95.000 lượt học viên tham gia, với nội dung chú trọng thực hành, dễ tiếp cận, phù hợp với nhu cầu thực tế (khóa AI: 34.522 học viên, Khóa cán bộ, công chức, viên chức: 32.645 học viên, Tổ công nghệ số cộng đồng: 15.666 học viên, Người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã: 12.981 học viên).

- An toàn thông tin (ATTT) mạng:

+ Công tác kiểm tra, rà soát: Tổ chức rà soát 39 tên miền có chuỗi ký tự “vinhlong” trên không gian mạng, qua rà soát chưa phát hiện hoạt động lợi dụng tên miền giả mạo website của các cơ quan nhà nước. Rà soát, phát hiện và khắc phục trường hợp có dấu hiệu tin tặc tấn công xâm nhập Trang Thông tin điện tử “Cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính và văn bản” (<https://csdl.bentre.gov.vn>), 13 Trang/Cổng Thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương bị chèn quảng cáo có nội dung nhạy cảm, trang web đánh bạc; rà soát, cập nhật bản vá Microsoft của các HTTT doanh nghiệp nhà nước thuộc quản lý của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Công tác giám sát ATTT: Công an tỉnh đã phân công cán bộ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giám sát an toàn toàn thông tin 24/7 đối với Hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung (SOC) và Hệ thống giám sát mã độc tập trung (Endpoint) trên địa bàn tỉnh; đánh giá thực trạng các mối đe dọa vào các hệ thống, thiết bị tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, qua đó đã trao đổi với đơn vị vận hành để kịp thời xác minh, xử lý các sự kiện. Triển khai cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc tập trung cho các sở, ban, ngành, UBND cấp xã với số lượng bản quyền: 8.022 bản quyền; triển khai giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống. Triển khai đầy đủ các giải pháp phòng, chống mã độc cho các máy tính trạm kết nối vào mạng BCANet theo chỉ đạo của các Cục nghiệp vụ Bộ Công an như: RAR-EP cho các máy tính trạm kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân

¹⁵ Phú Quới, Vĩnh Xuân, Song Phú, Cái Ngang, Hòa Bình, Cái Vồn, Hòa Hiệp, Bình Minh, Trà Côn, Mỹ Thuận, Lục Sĩ Thành, Tam Bình, Tân Lược, Hiếu Phụng, Long Châu, Trung Hiệp, Quới Thiện, Thanh Đức, Tân Ngãi, Tân Hạnh, Tân Long Hội, Trung Thành, An Bình, Nhơn Phú, Hòa Minh, Càng Long, Tân An, Tân Hòa, Song Lộc, An Trường, Nhị Long, Long Hòa, Cầu Kè, Tam Ngãi, Tiểu Cần, Hùng Hòa, Bình Phú, Nguyệt Hóa, Trà Vinh, Hưng Mỹ, Tập Ngãi, An Phú Tân, Phong Thạnh, Hòa Thuận, Long Đức, Long Hiệp, Nhị Trường, Hàm Giang, Hiệp Mỹ, Vĩnh Kim, Mỹ Long, Ngũ Lạc, Đại An, Lưu Nghiệp Anh, Long Vĩnh, Đông Hải, Đôn Châu, Long Hữu, Nhuận Phú Tân, Thạnh Phước, Vĩnh Thành, Phú Túc, Thành Thới, Lương Hòa, Chợ Lách, Châu Hòa, Hưng Khánh Trung, Phú Phụng, Thạnh Trị, Sơn Đông, Giao Long, An Định, Hương Mỹ, Thới Thuận, Đại Điền, Quới Điền, Giồng Trôm, An Ngãi Trung, Bến Tre, Lương Phú, Thạnh Phong, Thạnh Phú, An Quì, Thạnh Hải, An Hội, Phú Khương

cư; BCY Endpoint cho các máy tính trạm kết nối vào hệ thống CSDL nghiệp vụ ứng dụng Sinh trắc học của V06; Kaspersky Endpoint cho các máy tính kết nối mạng BCANet và mạng nội bộ Công an tỉnh.

- Về Chính quyền số:

+ 100% cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn có cổng/trang thông tin điện tử; Hệ thống thư điện tử của tỉnh đã cấp phát 33.458 tài khoản; tổng số chữ ký số hiện tại là 11.424 cho 100% cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã (trong đó 8.983 cá nhân, 2.441 tổ chức).

+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã hoàn thành thiết lập hơn 81 nghìn tài khoản người dùng để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành (tổng số văn bản phát sinh đến ngày 30/9/2025: 16.284 văn bản, số lượng văn bản gửi nhận qua Trục liên thông văn bản: 1.260 văn bản; hoàn thành liên thông gửi nhận văn bản với Khối Đảng).

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã hoàn thành thiết lập, cấu hình 2.161 TTHC, trong đó: 1.751 TTHC cấp tỉnh, 312 TTHC cấp xã, 98 TTHC dùng chung cấp tỉnh, cấp xã. Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/9/2025, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tiếp nhận 348.097 hồ sơ, (trong đó: 168.270 hồ sơ trực tiếp, 179.827 hồ sơ trực tuyến), ghi nhận 152.068 lượt tra cứu cơ sở dữ liệu dân cư.

+ Tiếp tục cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung¹⁶ và Danh mục dữ liệu mở tỉnh. Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) được triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng NDXP của quốc gia. Công dữ liệu mở tỉnh Vĩnh Long được vận hành tại địa chỉ <https://opendata.vinhlong.gov.vn> đã đăng tải 56 tập dữ liệu thuộc 14 lĩnh vực. Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đảm bảo kết nối thông suốt với hệ thống báo cáo Chính phủ.

- Về Kinh tế số:

+ Các hoạt động thương mại, dịch vụ diễn ra sôi động, hơn 2.000 sản phẩm được xúc tiến thương mại, đưa lên sàn thương mại điện tử; 74,3% chủ thể có sản phẩm OCOP được đưa lên các sàn thương mại điện tử nội địa; Hỗ trợ 484 doanh nghiệp, cơ sở kết nối thị trường được tổ chức kết nối trên nền tảng kết nối; Có 287 website thương mại điện tử có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến; Hệ thống khuyến nông thị trường của tỉnh tại địa chỉ <https://giaca.nsvl.com.vn> được cập nhật thường xuyên về thông tin giá cả thị trường các mặt hàng (Lúa gạo, thủy sản, chăn nuôi,...) với tần suất 03 lần/tuần (Thứ 2, 4, 6).

+ Triển khai ứng dụng eTax Mobile với hệ thống các chức năng, dịch vụ, hỗ trợ dành cho người nộp thuế là cá nhân trên phạm vi toàn quốc; Hóa đơn điện tử; Văn bản điện tử (TaxOffice) cho công chức, người nộp thuế.

+ Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số: Toàn tỉnh có khoảng 150¹⁷ doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin, hầu hết là doanh nghiệp nhỏ,

¹⁶ QĐ 4559/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021; QĐ 1122/QĐ-UBND, ngày 09/6/2022 của UBND tỉnh.

¹⁷ Trà Vinh: 74, Bến Tre: 55, Vĩnh Long: 21

kinh doanh các sản phẩm phần cứng (máy tính, máy in, các linh kiện điện tử,...), một số doanh nghiệp sản xuất gia công, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phần mềm, và nội dung số nhưng quy mô còn nhỏ lẻ, số lượng lao động ít.

+ Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số: hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đạt 100%; doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh; dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số đạt 100%;

- Về Xã hội số:

+ 100% cơ sở khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện khám, chữa bệnh bằng thẻ CCCD, Căn cước gắn chip tích hợp thẻ BHYT; trạm y tế xã triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số đạt 100%; 93,3% bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử theo quy định của bộ Y tế; 80% người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân.

+ 100% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số; 100% học sinh phổ thông có hồ sơ số về việc học tập; 100% các trường phổ thông thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

+ Việc sử dụng các mã QR, thanh toán không dùng tiền mặt tại các chợ, trung tâm thương mại, cửa hàng; mua bán các sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh dần trở nên quen thuộc đối với người dân,... Ngoài ra, tỉnh còn tuyên truyền, phổ biến nghị quyết, chính sách, pháp luật qua hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; triển khai hóa đơn điện tử, eTax Mobile; Sổ sức khỏe điện tử đã tích hợp thông tin trên ứng dụng VNeID đối với các trường hợp khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; hoàn thành cấp căn cước công dân gắn chip điện tử và kích hoạt tài khoản định danh điện tử.

+ Tổ chức thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội theo quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Đối tượng hưởng lương hưu, BHXH trên địa bàn tỉnh.

- *Về triển khai thực hiện các dịch vụ công thiết yếu:* Đến nay, toàn tỉnh đã triển khai 49/75 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06/CP, Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 và Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ đã hoàn thành tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- *Các ngành, địa phương đã khai thác, ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Căn cước công dân gắn chip điện tử, định danh và xác thực điện tử góp phần phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh:* Đã triển khai thực hiện khám, chữa bệnh bằng thẻ Căn cước công dân, Căn cước gắn chip có tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế tại 400/400 cơ sở khám, chữa bệnh (đạt 100%), với tổng số hơn 13 triệu lượt tra cứu thành công phục vụ công tác khám chữa bệnh; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại 41/44 cơ sở y tế (đạt 93,18%) và 1.316/1.316 cơ sở giáo

dục (đạt 100%); rà soát, chi trả an sinh xã hội qua tài khoản (không dùng tiền mặt) cho 117.028/117.028 đối tượng hưởng an sinh xã hội, với số tiền hơn 138 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 100% trên tổng số đối tượng có tài khoản, và đạt 51,51% trên tổng số đối tượng 227.213); chi trả lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội qua tài khoản (không dùng tiền mặt) cho 39.638/44.105 đối tượng, với tổng số tiền trên 329 tỷ đồng (đạt tỷ lệ 89,87%).

- *Về phát triển công dân số:* Trong 9 tháng đầu năm, Công an tỉnh tổ chức thu nhận 377.997 hồ sơ cấp Căn cước, đã truyền dữ liệu về Trung ương 377.997 hồ sơ đề nghị in thẻ Căn cước cho công dân (lũy kế đến thời điểm hiện tại đã thu nhận 3.493.922 hồ sơ cấp CCCD, CC; trong đó có 3.128.574 hồ sơ cấp Căn cước). Đồng thời, thực hiện thu nhận và tuyên truyền, hướng dẫn người dân kích hoạt, sử dụng 3.014.850 tài khoản VneID.

- *Tỉnh đã và đang triển khai thực hiện:* Vĩnh Long 25/27; Trà Vinh 29/32; Bến Tre 20/27 mô hình điểm về Đề án 06 đã đăng ký (trong tổng số 44 mô hình điểm của Đề án 06), qua đó đã góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh, mang lại nhiều tiện ích cho người dân và doanh nghiệp.

- *Về cải cách thủ tục hành chính (TTHC):* Tổng số TTHC là 2.161. Trong đó: Số TTHC cấp tỉnh là 1.751 TTHC; Số TTHC cấp xã: 312 TTHC; Số TTHC dùng chung cấp tỉnh, cấp xã: 98 TTHC. Đã hoàn thành 100% các nhiệm vụ theo kế hoạch rà soát, đơn giản hóa, cụ thể: Tổng số thủ tục hành chính đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 43 thủ tục; Phương án đơn giản hóa cụ thể: Số TTHC sửa đổi, bổ sung: 43 thủ tục (Trong đó: Đề nghị cắt giảm thời gian là 27 TTHC, cắt giảm thành phần hồ sơ là 16 TTHC); Số tiền tiết kiệm được: 8.992.896 đồng/năm; Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được: 25.27%.

- *Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:* Đến nay, 124/124 Trung tâm phục vụ hành chính xã, phường của tỉnh đều đã bố trí điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; được trang bị đầy đủ máy tính, quầy hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến và các trang thiết bị cần thiết khác phục vụ cho công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ tạo thuận lợi cho quá trình giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.

II. THUẬN LỢI

- Tỉnh quan tâm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP; thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo, xây dựng các văn bản cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong lãnh, chỉ đạo việc thực hiện đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cải cách hành chính trong công tác chỉ đạo và điều hành; sự quan tâm, định hướng, hỗ trợ tích cực của các Bộ, ngành Trung ương.

- Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Các cơ quan, đơn vị, địa phương cùng với các cơ quan thông

tin, báo chí đã chủ động hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền mang lại chuyển biến tích cực. Hoạt động chuyển đổi số đã từng bước xây dựng ba trụ cột là Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số, bước đầu đã đạt được các kết quả quan trọng.

b) Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW

- ***Đối với các nhiệm vụ của tỉnh:*** Tỉnh Vĩnh Long đã hoàn thành 17/17 nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

- ***Đối với việc thực hiện 16 tiêu chí của cấp xã:*** 124/124 xã, phường đã hoàn thành 16/16 tiêu chí.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Về khoa học, công nghệ

- Tiếp tục tham mưu triển khai công tác quản lý nhà nước về các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trên địa bàn tỉnh; Hoàn thành công tác rà soát, đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang triển khai; Tham mưu xây dựng cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Nghiên cứu tham mưu xử lý tài sản các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ tồn đọng trên cơ sở quy định của Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Về đổi mới sáng tạo

- Tổng kết kết quả thực hiện Đề án 844/TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 và đề xuất giải pháp triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2026 và những năm tiếp theo.

- Triển khai thực hiện Khung hướng dẫn địa phương về định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế, nhất là Bộ chỉ số đo lường tác động của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế tại địa phương.

3. Về chuyển đổi số

- Tiếp tục thực hiện các Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sau sáp nhập, gồm: Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW; Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025, Kế hoạch thực hiện Kinh tế số, Xã hội số, Kế hoạch chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

dựa trên dữ liệu, ...phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

- Tiếp tục triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là người dân nông thôn, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước xây dựng cộng đồng học tập suốt đời trong môi trường số, góp phần phát triển xã hội số toàn diện, đồng bộ trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin, các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo từng đối tượng và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số cho lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục duy trì, vận hành các Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP), Hệ thống phân giải tên miền (DNS), Nền tảng dành cho người dân, doanh nghiệp; Hệ thống Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, Hệ thống Cổng dữ liệu mở; Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC); khai thác hạ tầng công nghệ thông tin Trung tâm dữ liệu tỉnh một cách hiệu quả; cập nhật dữ liệu ngành, địa phương vào các nền tảng dùng chung của tỉnh; Thúc đẩy sử dụng các nền tảng số phát triển kinh tế số, xã hội số ở ngành, địa phương, nhất là các nền tảng phục vụ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến; triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính; triển khai các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

2. Đề án 06

- Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức thu nhận hồ sơ cấp Căn cước, Giấy chứng nhận Căn cước và kết hợp thu nhận hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử cho công dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn người dân kích hoạt sử dụng tài khoản VNeID; thường xuyên thực hiện công tác làm sạch dữ liệu, đảm bảo dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống”; tập trung ưu tiên nguồn lực hoàn thành việc triển khai 75 dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp theo đúng tiến độ và yêu cầu tại Đề án.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ Đề án 06 năm 2025 của tỉnh và Kế hoạch thực hiện các mô hình điểm thuộc nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; đẩy nhanh tiến độ thực hiện chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt; đơn đốc chi trả lương hưu qua tài khoản; thu thập thông tin thân nhân của liệt sĩ chưa xác định được danh tính để phục vụ thu mẫu ADN; làm sạch và số hóa dữ liệu đất đai.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, nhân lực phục vụ công tác ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn thông tin số, chuyển đổi số trong Công an tỉnh, tập trung bố trí cán bộ chuyên trách tại Công an tỉnh bảo đảm yêu cầu công tác và Công an đơn vị, địa phương ít nhất 01 cán bộ kiêm nhiệm có trình độ về viễn thông, cơ yếu và CNTT. Đồng thời tổ chức tập huấn cho lực lượng này nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công an các đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc Công an các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của Công an tỉnh, trọng tâm là: Thực hiện tốt dịch vụ công trực tuyến của ngành Công an; tuyên truyền, hướng dẫn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản VNeID đạt chỉ tiêu Bộ giao; tổ chức thu nhận hồ sơ cấp thẻ đảng viên; phối hợp thực hiện nhiệm vụ tích hợp BHYT, sổ sức khỏe điện tử trên VNeID;... Triển khai thực hiện có hiệu quả các hệ thống, cơ sở dữ liệu, phần mềm nghiệp vụ do Bộ Công an triển khai.

3. Cải cách hành chính

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc thực hiện công tác CCHC; thường xuyên rà soát, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đề hoàn thành tiến độ theo kế hoạch đề ra; nâng cao vai trò chỉ đạo, trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác CCHC, quán triệt về mục tiêu, nhiệm vụ CCHC tới toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân về thực hiện công cuộc CCHC gắn với thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Phần đầu đạt và vượt các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ trong giai đoạn 2026 - 2030 về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; về tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến; về số hóa hồ sơ, giấy tờ và kết quả giải quyết TTHC; về thanh toán trực tuyến TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC; mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Đôn đốc, chỉ đạo công tác kiểm soát TTHC ở địa phương và ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ, cập nhật kịp thời, đầy đủ quy trình điện tử trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh; thường xuyên rà soát, chuẩn hóa, cập nhật, công khai các TTHC đã công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực; đôn đốc, chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị, địa phương cập nhật đầy đủ, kịp thời, khắc phục tình trạng trễ hạn hồ sơ giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến tổ chức, cá nhân về lợi ích của việc thực hiện giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã. Tuyên truyền hiệu quả để cá nhân, tổ chức hiểu được sự tiện ích trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích khi thực hiện TTHC trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi việc triển khai thực hiện giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập, số người làm việc trong các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và số lượng hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ, chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của tỉnh Vĩnh Long năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Theo dõi, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

4. Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW

Tiếp tục triển khai quyết liệt các nhiệm vụ trọng tâm từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025 của Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, giai đoạn đột phá (đến ngày 31/12/2025) về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên BCĐ về PT KHCN, ĐMST, CDS và ĐA 06 tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, CDS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thống Nhứt